

**CÔNG TY TNHH ĐÀM MINH ĐIỀN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐÀM MINH ĐIỀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAM MINH DIEN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108782955

**3. Ngày thành lập:** 12/06/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm Man Lái, Thôn An Thọ, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0934290799

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                            | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Khai thác và thu gom than cứng                                                                       | 0510     |
| 2.  | Khai thác và thu gom than non                                                                        | 0520     |
| 3.  | Khai thác và thu gom than bùn                                                                        | 0892     |
| 4.  | Sản xuất than cốc                                                                                    | 1910     |
| 5.  | Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                       | 1410     |
| 6.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                 | 1430     |
| 7.  | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                     | 1420     |
| 8.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                               | 1399     |
| 9.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                         | 4661     |
| 10. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                             | 4773     |
| 11. | Khai thác quặng sắt                                                                                  | 0710     |
| 12. | Khai thác quặng uranium và quặng thorium                                                             | 0721     |
| 13. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt                                                         | 0722     |
| 14. | Khai thác quặng kim loại quý hiếm                                                                    | 0730     |
| 15. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                  | 4662     |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                              | 4663     |
| 17. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752     |
| 18. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                  | 4784     |
| 19. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác không bao gồm đầu giá tài sản theo quy định Luật đầu giá tài sản | 4511     |
| 20. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                          | 4512     |
| 21. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                       | 4520     |

|     |                                                                                                                            |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(loại trừ đầu giá)                                   | 4530        |
| 23. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                          | 4669        |
| 24. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                          | 4690        |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                            | 4659        |
| 26. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                     | 4620        |
| 27. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                             | 4631        |
| 28. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                         | 4632        |
| 29. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                       | 4641        |
| 30. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                           | 4771        |
| 31. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                   | 4782        |
| 32. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                         | 4649        |
| 33. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp       | 4711        |
| 34. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                          | 4721        |
| 35. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                           | 4722        |
| 36. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4730        |
| 37. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                           | 5610        |
| 38. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                   | 5621        |
| 39. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                  | 5510        |
| 40. | Đại lý du lịch                                                                                                             | 7911        |
| 41. | Điều hành tua du lịch                                                                                                      | 7912        |
| 42. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                        | 7990        |
| 43. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản | 6810(Chính) |
| 44. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản               | 6820        |
| 45. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa                                                  | 4610        |
| 46. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                             | 4933        |
| 47. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                          | 4312        |
| 48. | Phá dỡ                                                                                                                     | 4311        |
| 49. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                 | 4299        |
| 50. | Xây dựng công trình điện                                                                                                   | 4221        |
| 51. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                          | 4101        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 52. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102 |
| 53. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                   | 4322 |
| 54. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                          | 7410 |
| 55. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932 |
| 56. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772 |
| 57. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 58. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                     | 4651 |
| 59. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652 |
| 60. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 61. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730 |
| 62. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                               | 9511 |
| 63. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 64. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763 |
| 65. | Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế                                                                                                            | 6920 |
| 66. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                     | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 28.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM THỊ HUƠNG | Thôn Tân Lộc, Xã Hải Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                    | 25.200.000.000        | 90,000    | 171848160                                                                                                                                         |         |
| 2   | ĐỖ MẠNH HÙNG   | Thôn Đồng Quỳ, Xã Nam Tiến, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                  | 1.400.000.000         | 5,000     | 163220122                                                                                                                                         |         |

|   |                     |                                                                         |               |       |           |  |
|---|---------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------|-------|-----------|--|
| 3 | BÙI THỊ<br>HOÀI THU | Thôn 14, Xã Bằng<br>Luân, Huyện Đoan<br>Hùng, Tỉnh Phú Thọ,<br>Việt Nam | 1.400.000.000 | 5,000 | 132080319 |  |
|---|---------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------|-------|-----------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THỊ HƯƠNG

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 23/04/1978

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 171848160

Ngày cấp: 21/12/2015

Nơi cấp: *Công an tỉnh Thanh Hóa*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Tân Lộc, Xã Hải Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Man Lái, Thôn An Thọ, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội